TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 385/2025/HS-PT
Ngày 24/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025 đối với bà Võ Thị X do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có liên quan kháng cáo của bà X:

Hồ Duy K, sinh năm 1986; tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: số C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Văn K1 và bà Nguyễn Thị Tuyết M; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và có 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2019; con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 20 tháng 3 năm 2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh B; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Võ Thị X, sinh năm 1942; nơi cư trú: 33ª/2, khu phố T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà X: Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ B, Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Văn bản uỷ quyền ngày 27/12/2024; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Duy K và bà Nguyễn Thị Trung H, sinh năm 1984, nơi cư trú: 32, đường D, khu nhà ở tái định cư, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương có mối quan hệ là bạn học cùng nhau.

Vào năm 2018, K quen biết bà Trương Thị Phương L, sinh năm 1971 (quốc tịch Hoa Kỳ) trong một lần bà L về nước thăm họ hàng và bà L được K giới thiệu mua thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 48 tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị Thùy D đứng tên người sử dụng đất. Sau đó, bà L thỏa thuận mua thửa đất trên của bà D với giá 2.150.000.000đ (hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), bà L nhờ Khắc đặt cọc trước cho bà D 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng), còn lại 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), hẹn ngày công chứng Hợp đồng bà L sẽ thanh toán hết. Do bà L không có quốc tịch Việt Nam nên nhờ ông Dương Đồng T2, sinh năm 1990, nơi cư trú: phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1966, nơi cư trú: phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (là họ hàng của bà L) đứng tên đồng sở hữu thửa đất số 1388 giúp cho bà L sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

Ngày 30/5/2018, bà D làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1388 cho bà H1 và ông T2 (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 012838). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1388, bà L giao đủ 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) cho bà D và nhờ K liên hệ cơ quan nhà nước để được cấp 01 (một) thửa đất số 1388 cho 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO040388 do ông Dương Đồng T2 đứng tên và 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO040389 do bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đứng tên là cùng đồng sở hữu trên thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 48, diện tích 92m^2, địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, K không giao lại cho ông T2 và bà H1.

Đến ngày 30/5/2018, K mua ô tô hiệu HUYNDAI TUCSON, biển số 61A - 486.27 với giá 825.000.000đ (tám trăm hai mươi lăm triệu đồng) và thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho Ngân hàng TMCP Q (Ngân hàng V) - Chi nhánh T4 tại TP Hồ Chí Minh vay 660.000.000đ (sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Trong thời gian này, K kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau nhưng công việc kinh doanh không thuận lợi, thiếu nợ của nhiều người nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác và lên trang mạng thuê một đối tượng (hiện chưa rõ) làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 073186 cấp ngày 25/6/2018 cho xe ô tô hiệu HUYNDAI TUCSON, biển số 61A - 486.27 của Hồ Duy K đứng tên do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp với giá 3.000.000 đồng. Sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 073186 giả, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số CO040388, thửa đất số 1388 do ông T2 đứng tên, K gặp bà Hậu thế C giấy tờ trên để vay tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 07/11/2018, K điều khiển xe ô tô hiệu HUYNDAI TUCSON, biển số 61A - 486.27, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe giả và Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CO040388, thửa đất số 1388 qua gặp bà H để hỏi vay tiền. K nói với bà H là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO040388, thửa đất số 1388 là của K nhưng để cho Dương Đồng T2 là em vợ của K (vợ của K tên Trần Thị Ngọc H2) đồng sở hữu đứng tên giùm, K dùng Giấy chứng nhận số CO040388, thửa đất số 1388 và xe ô tô biển số 61A - 486.27 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe giả để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay giữa K và bà H. Bà H tin tưởng tài sản trên là của K nên đồng ý cho K vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 2%/tháng. Hai bên ký tên, lăn tay xác nhận trên "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 07/11/2018, đồng thời bà H giao cho K số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), còn K giao cho bà H giữ giấy chứng nhận đăng ký xe giả và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO040388, thửa đất số 1388. Riêng xe ô tô biển số 61A - 486.27, bà H giao cho K sử dụng.

Lần thứ hai: Ngày 13/11/2018, K tiếp tục đến gặp bà H vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), việc vay tiền không lập hợp đồng riêng mà chỉ ghi thêm nội dung "*Ngày 13/11/2018 tôi Hồ Duy K có vay thêm chị H 500.000.000đ*" vào mặt phía sau của Hợp đồng ngày 07/11/2018 và sử dụng tài sản thế chấp ngày 07/11/2018 làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Lần thứ ba: Ngày 19/12/2018, K muốn vay thêm tiền của bà H nên tự viết "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 14/12/2018 có nội dung "*Ông Trần Trọng N, sinh năm 1983, nơi cư trú: Phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương có vay ông Hồ Duy K, số tiền vay 1.200.000.000 đồng*" rồi Khắc tự ký, viết tên "Trần Trọng N" và lăn tay vào trong hợp đồng này. Khắc cầm hợp đồng trên đến nhà bà H hỏi vay 2.200.000.000đ (hai tỷ hai trăm triệu đồng) lãi suất là 2% một tháng, thời hạn vay 06 tháng và giao cho bà H giữ Hợp đồng ngày 14/12/2018 để làm tin. Bà H đồng ý cho K vay tiền và lập "Hợp đồng vay tiền" ngày 19/12/2018, K và bà H ký tên xác nhận, sau đó bà H tiếp tục giao cho K 2.200.000.000 đồng.

Quá thời hạn thoả thuận, K không trả tiền, bà H phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Hợp đồng vay tiền ngày 14/12/2018 giữa ông N và K là giả và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO040388, thửa đất số 1388 do ông Dương Đồng T2 đứng tên trên sổ không phải của Khắc nên ngày 17/5/2019, bà H đã tố giác K về hành vi trên. Qua làm việc, K khai nhận hành vi phạm tội.

Sau khi bị tố giác, trong thời gian từ tháng 7/2019 đến năm 2020, K nhiều lần trả tiền cho bà H với tổng số tiền là 823.000.000đ (tám trăm hai mươi ba triệu đồng) và có xác nhận việc vay mượn tiền, việc trả nợ, số tiền lãi hàng tháng qua các tài liệu gồm: 08 trang giấy trong 01 cuốn tập học sinh nhãn hiệu "Color of Life"; tài liệu có tiêu đề "HỢP ĐỒNG VAY TIỀN" đề ngày 01/4/2020; tài liệu có tiêu đề "BẢNG TỔNG HỢP TIỀN NỢ" đề ngày 09/8/2020.

Tại Bản kết luận giám định số 367/GĐ-PC09 ngày 17/9/2019 của Phòng K2 Công an tỉnh B xác định: Phôi và dấu hình tròn có nội dung "*C.H.X.H.C.N VIỆT NAM* CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG" trên 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 073186, mang tên Hồ Duy K, sinh năm 1986, địa chỉ: Số C, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đề ngày 25/6/2018 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại Bản kết luận giám định số 459/GĐ-PC09 ngày 21/11/2019, Phòng K2 Công an tỉnh B xác định: Chữ kỹ, chữ viết, hộ tên, 02 (hai) dấu vân tay mang tên "Hồ Duy K" và " Trần Trọng N" dưới các mục "bên B (bên vay tiền)", " Ngày 13/11/2018 Tôi Hồ Duy K có vay thêm chị H 500.000.000đ", "bên B (bên vay) trên các Hợp đồng vay tiền đề ngày 07/11/2018, 19/12/2018 và ngày 14/12/2018 so với chữ ký, chữ viết họ tên, dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của Hồ Duy K trên các tài liệu "Mẫu" do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 475/GĐ-PC09 ngày 22/11/2019, Phòng K2 Công an tỉnh B xác định: Phôi, chữ ký mang tên "Nguyễn Chiến T3" và hình dấu tròn có nội dung "*CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM * TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" trên 01 (một) Giấy CNQSDĐ số CO040388 mang tên Dương Đồng T2, sinh năm: 1980, địa chỉ: Phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai so với phôi, chữ ký của Nguyễn Chiến T3 và hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu do cùng một chế bản in, một người ký và một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 149/GĐ-PC09 ngày 18/4/2022, Phòng K2 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên "Hồ Duy K" dưới các mục "Ký nhận", "ký tên" và "được thống kê và ký nhận hàng tháng được đánh số từ số 1 đến số 8 trên 01 (một) quyển vở kẻ ô vuông (loại tập học sinh), bìa đề "Color of Life) nhãn hiệu "VIBOOK" so với chữ ký, chữ viết họ tên Hồ Duy K trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 367/GĐ-PC09 ngày 17/9/2019, Phòng K2 Công an tỉnh B xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 (hai) dấu vân tay mang tên "Hồ Duy K" dưới mục "bên B (bên vay tiền)", "Bên vay tiền" trên các "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 01/4/2020 và đề ngày 09/8/2020 so với chữ ký, chữ viết và dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của Hồ Duy K trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký, viết và in ra.

Ngoài ra, vào năm 2018, K quen biết với bà Nguyễn Thị Ngọc A và K vay của bà A 2.200.000.000đ (hai tỷ hai trăm triệu đồng), đồng thời Khắc thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 1004, tờ bản đồ số 11, tại khu phố T, phường A, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là thửa đất số 1004). Đến tháng 12/2018, K đề nghị bà H mua lại thửa đất số 1004 với giá 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), bà H đồng ý và giao 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng). Khắc trả cho bà A 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày 24/12/2018, bà A ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho bà H và bà H giao cho bà A 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Sau đó, bà H giao thêm cho K 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và làm thủ tục sang tên thửa đất số 1004 do bà H đứng tên. Riêng 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu) mà K còn thiếu của bà A thì bà A không yêu cầu Cơ quan điều tra giải quyết.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hồ Duy K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 3 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Duy K 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hồ Duy K 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt cho 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ quy định tại các Điều 584, 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc bị cáo Hồ Duy K có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Trung H 3.377.000.000đ (ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/6/2025, ông Nguyễn Đình Thế L1 người đại diện theo ủy quyền của bà X kháng cáo yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng ngày 21/6/2018, đối với thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11, bị vô hiệu, yêu cầu hoàn trả thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11 cho bà X.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà X trình bày: Bà Xanh là nguyên đơn dân sự trong vụ án nhưng Toà án cấp sơ thẩm xác định bà X là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chưa đúng; khi giải quyết vụ án cũng không xem xét đến quyền lợi của bà X là vi phạm. Nội dung chuyển nhượng thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11, của bà X là giả cách, không có việc chuyển nhượng, không có việc giao nhận tài sản, không có việc giao nhận tiền; đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, tuyên hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11, bị vô hiệu, trả tài sản cho bà X.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, xét xử đối với thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11 nên kháng cáo của bà X không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình Thế L1 người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà X thì thấy:

[1.1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Hồ Duy K, về hành vi sử dụng giấy tờ giả và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO040388, thửa đất số 1388, tờ bản đồ số 48, diện tích 92m^2, đứng tên ông Dương Đồng T2 để gian dối chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Trung H nhiều lần tổng cộng 4.200.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hồ Duy K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

[1.2]. Hợp đồng chuyển nhượng ngày 21/6/2018, đối với thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11; giữa Hồ Duy K, Trần Thị Ngọc H2, Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Thị Trung H không liên quan đến vụ án hình sự trên và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Nếu có cơ sở thửa đất 1004, tờ bản đồ số 11 là tài sản của bà Võ Thị X thì bà X được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[1.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của ông Thế L1 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà X về việc sửa phần trách nhiệm dân sự; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm; bà X phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do người cao tuổi nên bà X được miễn.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị X, về việc sửa phần trách nhiệm dân sự; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại các Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc bị cáo Hồ Duy K có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Trung H 3.377.000.000đ (ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị X được miễn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- CA TP. HCM;
- Trại tạm giam số 2 - Công an TP. HCM;
- BC (nhờ Trại tạm giam số 2 để tống đạt cho BC);
- Lưu (5), NTTP.